

Bản án số: 21/2024/HS-PT
Ngày 15/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Nhuận;

Ông Phạm Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Lâm Dạ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 148/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo Dương Tuấn Ph, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2023/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Dương Tuấn Ph, sinh ngày 24/9/1990, tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Y và bà Nguyễn Thanh H; có vợ Huỳnh Hồng U và 02 con; tiền án không; tiền sự không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/7/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo: Phạm Văn S, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Lý B, Luật sư của Văn phòng Luật sư L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập gồm: Người làm chứng Đỗ Thị Th, Dương Văn Y, Nguyễn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Tuấn Ph và Phạm Văn S là hàng xóm với nhau, nhà sát vách nhau tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Giữa gia đình của Ph và S thường xảy ra mâu thuẫn do S cho rằng tường rào bê tông của nhà Ph bị nứt, nghiêng và làm rơi cát sang khuôn viên nhà của S. Vào khoảng 19 giờ ngày 02/6/2023, S đi qua bên hông nhà để kiểm tra thì phát hiện tường rào bê tông của nhà Ph bị nứt, nghiêng sang nhà vệ sinh của S, sau đó giữa S và bà Nguyễn Thanh H (mẹ của Ph) phát sinh cự cãi và chửi qua lại. Lúc này, Ph đang ở nhà sau, khi nghe tiếng cự cãi giữa bà H với S thì Ph cầm 01 cây chĩa (có chiều dài 190cm, cán bằng gỗ tròn dài 135cm, đường kính nơi lớn nhất 04cm, có mũi dài khoảng 55cm bằng kim loại màu đen, đầu mũi nhọn) đi từ nhà sau của Ph ra nhà trước. Khi Ph đi đến vỉa hè phía trước nhà của S thì Ph và S cũng phát sinh cự cãi, thách thức đánh nhau. Trong lúc cự cãi, thách thức đánh nhau, Ph cầm cây chĩa bằng hai tay (phần mũi hướng xuống còn phần cán hướng lên) rồi đánh phần cán gỗ của cây chĩa trúng 01 cái vào cạnh ngoài, cung mảy trái của S gây thương tích. Sau khi gây thương tích cho S thì Ph cầm cây chĩa về nhà, sau đó tự nguyện giao nộp cho Công an, còn S bị thương tích, được người nhà đưa đi cấp cứu, điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng từ ngày 02/6/2023 đến ngày 07/6/2023 xuất viện. Sau khi xuất viện, S có đơn yêu cầu xử lý về hành vi gây thương tích của Ph.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 432/KLTTCT-TTPYCT ngày 20/7/2023 của Trung tâm Pháp y thành phố Cần Thơ, kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn S tại thời điểm giám định là 03%, áp dụng phương pháp công tại Thông tư.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2023/HS-ST ngày 21/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Điều Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố: Bị cáo Dương Tuấn Ph phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Dương Tuấn Ph 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/11/2023). Giao bị cáo Dương Tuấn Ph cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và gia đình bị cáo Dương Tuấn Ph có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo Dương Tuấn Ph thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo Dương Tuấn Ph cố ý vi phạm nghĩa vụ (quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự) 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Dương Tuấn Ph phải chấp hành hình phạt tù. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật Dân

sự năm 2015, buộc bị cáo Dương Tuấn Ph bồi thường chi phí điều trị thương tích, chi phí tiền xe, tiền mất thu nhập, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tiền tổn thất tinh thần cho bị hại Phạm Văn S với tổng số tiền là 15.267.000 đồng. Tiếp tục giữ số tiền 7.000.000 đồng mà bị cáo Dương Tuấn Ph đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002913 ngày 10/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M để thi hành án. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại Phạm Văn S có đơn yêu cầu thi hành án thì bị cáo Dương Tuấn Ph phải giao trả đủ cho bị hại Phạm Văn S số tiền 15.267.000 đồng theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Nếu bị cáo Dương Tuấn Ph không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 04/12/2023, bị hại S có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Ph, phạt tù không cho bị cáo Ph hưởng án treo; đồng thời chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại cho S với số tiền tổng cộng 24.367.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại S không rút kháng cáo.

Bị cáo Ph đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu kháng cáo của bị hại S số tiền 24.367.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại S cho rằng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Ph 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là chưa tương xứng, chưa nghiêm nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị hại, không cho bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền 24.367.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng trình bày quan điểm: Kháng cáo của bị hại S là hợp pháp. Bị hại S yêu cầu không cho bị cáo Ph được hưởng án treo là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận, còn về kháng cáo yêu cầu buộc bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền tổng cộng 24.367.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc yêu cầu không cho bị cáo Ph được hưởng án treo và chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền tổng cộng 24.367.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị hại Phạm Văn S đảm bảo về hình thức và nội dung kháng cáo, đúng người có quyền kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị hại S, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3] Về tội danh áp dụng đối với bị cáo Ph, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như phiên tòa phúc thẩm, có căn cứ xác định: Bị cáo Ph và bị hại S là hàng xóm, nhà sát vách nhau ở ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, giữa hai gia đình có mâu thuẫn với nhau từ trước, nên vào khoảng 19 giờ ngày 02/6/2023, khi nghe S chửi bà Nguyễn Thanh H (mẹ của Ph), Ph đi từ nhà sau ra nhà trước cầm theo 01 cây chĩa dài 190cm, có cán bằng gỗ tròn dài 135cm, mũi bằng kim loại màu đen dài 55cm, đầu mũi chĩa nhọn. Khi đi đến vỉa hè phía trước nhà của S thì Ph và S cự cãi, thách thức đánh nhau, lúc này Ph cầm cây chĩa bằng hai tay, mũi chĩa hướng xuống còn phần cán chĩa hướng lên rồi đánh phần cán chĩa trúng cạnh ngoài, cung mày trái của S gây thương tích, theo kết luận giám định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của S hiện tại là 03% và S có đơn yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với Ph. Như vậy, hành vi nêu trên của Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích, thuộc trường hợp “*Dùng hung khí nguy hiểm*”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo Ph phạm tội cố ý gây thương tích, theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo Ph, khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Ph không có tiền án tiền sự và có các tình tiết giảm nhẹ, đó là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện nộp tiền bồi thường, khắc phục hậu quả do mình gây ra (7.000.000 đồng); sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có công với cách mạng có bà ngoại là Mẹ Việt Nam Anh hùng, câu ruột là liệt sĩ, theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); đồng thời bị cáo có đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo; từ đó Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo Ph 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo

là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục nộp thêm số tiền 9.230.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên để bồi thường, khắc phục hậu quả do mình gây ra, cũng như nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm, thể hiện thái độ ăn năn hối cải của bị cáo. Do đó, bị hại S kháng cáo yêu cầu tăng nặng trách nhiệm hình sự và không cho bị cáo Ph được hưởng án treo là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự, bị hại S yêu cầu bị cáo Ph bồi thường thiệt hại với số tiền tổng cộng 24.367.000 đồng (gồm chi phí điều trị thương tích 5.367.000 đồng, tiền xe đi điều trị, tái khám 2.000.000 đồng, thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị thương tích 1.250.000 đồng và của bị hại 1.250.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 7.250.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 7.250.000 đồng). Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu và buộc bị cáo Ph bồi thường cho bị hại các khoản gồm chi phí điều trị thương tích 5.367.000 đồng, tiền xe đi điều trị, tái khám 2.000.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất của bị hại và người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị thương tích mỗi người 1.250.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần bằng 02 tháng lương cơ sở 3.600.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 1.800.000 đồng, tổng cộng 15.267.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ph cũng đồng ý bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của bị hại, sự tự nguyện này không trái với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại các khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với số tiền 24.367.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ph có cung cấp biên lai thu tiền số 0000105 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M thể hiện bị cáo nộp thêm số tiền 9.230.000 đồng (gồm tiền bồi thường thiệt hại 8.267.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 763.000 đồng theo bản án sơ thẩm đã tuyên) nên tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, còn về yêu cầu kháng cáo tăng nặng trách nhiệm hình sự và không cho bị cáo Ph được hưởng án treo là không chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án hình sự sơ thẩm bị sửa về phần trách nhiệm dân sự, nên theo quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (viết tắt Nghị quyết số 326), án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường

thiệt hại cho bị hại tổng số tiền 24.367.000 đồng, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa 02 lần với số tiền 15.267.000 đồng nên không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền đã tự nguyện nộp này; bị cáo chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền chưa nộp (24.367.000 đồng - 15.267.000 đồng) x 5% = 455.000 đồng.

[9] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị hại S chỉ được cấp phúc thẩm chấp nhận sửa về phần trách nhiệm dân sự, còn về phần yêu cầu tăng nặng trách nhiệm hình sự, không cho bị cáo Ph được hưởng án treo thì không được chấp nhận và giữ nguyên theo quyết định của bản án sơ thẩm nên theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326 nêu trên, bị hại phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phạm Văn S, về yêu cầu tăng nặng trách nhiệm hình sự và không cho bị cáo Dương Tuấn Ph được hưởng án treo.

Chấp nhận kháng cáo của bị hại Phạm Văn S, về yêu cầu buộc bị cáo Dương Tuấn Ph bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với số tiền 24.367.000 đồng.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2023/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, về phần trách nhiệm dân sự.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134 ; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Dương Tuấn Ph 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (tức ngày 21 tháng 11 năm 2023).

Giao bị cáo Dương Tuấn Ph cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Dương Tuấn Ph thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Dương Tuấn Ph cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Dương Tuấn Ph có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại Phạm Văn S do sức khỏe bị xâm phạm gồm chi phí điều trị thương tích, tiền xe, thu nhập thực tế bị mất, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần với số tiền tổng cộng 24.367.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại Phạm Văn S thì hàng tháng, bị cáo Dương Tuấn Ph còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Tiếp tục giữ số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), theo biên lai thu tiền số 0002913 ngày 10 tháng 8 năm 2023 và số tiền 9.230.000 đồng (Chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0000105 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng mà bị cáo Dương Tuấn Ph đã nộp để bảo đảm cho việc thi hành án.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Dương Tuấn Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 455.000 đồng (Bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

5. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ điểm đ, e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị hại Phạm Văn S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

7. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- VKSND h. Mỹ Xuyên (01);
- TAND h. Mỹ Xuyên (02);
- CQCSĐT - Công an h. Mỹ Xuyên (01);
- CQTHAHS - Công an h. Mỹ Xuyên (01);
- Chi cục THADS h. M (01);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (01);
- Ph. KTNV&THATAND T. Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS - Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hoàng Lâm